

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH PHƯỜNG PHỔ YÊN NĂM 2025

(Kèm Quyết định số:1142/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phổ Yên)

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh về việc giao phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 30/07/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Nghị Quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/08/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND phường Phổ Yên; Nghị Quyết số 83/NQ-HĐND ngày 30/09/2025 của HĐND phường Phổ Yên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 ;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND phường Phổ Yên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Phổ Yên năm 2025;

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2025, UBND phường Phổ Yên thuyết minh chi tiết một số nội dung trong quyết toán ngân sách năm 2025 như sau:

I. THU NGÂN SÁCH:

1. Thu ngân sách trên địa bàn.

1.1. Kết quả thực hiện:

Năm 2025, UBND tỉnh giao tổng thu NSNN trên địa bàn: 521.513 triệu đồng, HĐND phường giao 521.513 triệu đồng. Thực hiện năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt: 528.410 triệu đồng đạt 101,3% dự toán tỉnh và dự toán HĐND phường giao.

*** Trong năm 2025 có các khoản thu hoàn thành và vượt so với dự toán tỉnh giao và HĐND phường giao như:**



- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý đạt 264 triệu đồng, bằng 132% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 2.555 triệu đồng, bằng 425,8% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 28.282 triệu đồng, bằng 129,5% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

- Lệ phí trước bạ đạt 35.121 triệu đồng, bằng 145% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

- Thu thuế sử dụng đất phi NN đạt 1.466 triệu đồng bằng 136,8% so dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao. Số thu này vượt so với kế hoạch giao là do thu từ thuế SD đất phi nông nghiệp của một số khu dân cư được giao đất.

- Thu từ quỹ đất công ích đạt 1.313 triệu đồng, bằng 281,2% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

Nhìn chung, các khoản thu vượt dự toán chủ yếu tập trung ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thu từ đất, phản ánh sự phục hồi và phát triển tích cực của hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường bất động sản trên địa bàn.

*** Ngoài ra, còn một số khoản thu chưa đạt so với dự toán giao đầu năm như:**

- Thu khác ngân sách đạt 10.093 triệu đồng, bằng 67,4% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 329.018 triệu đồng, bằng 90,7% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 33.938 triệu đồng, bằng 84,9% dự toán.

- Thu phí- lệ phí đạt 4.106 triệu đồng, bằng 59,1% dự toán.

1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN:

1.2.1. Thuận lợi:

Trong quá trình triển khai nhiệm vụ thu ngân sách, UBND phường nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND phường và sự hỗ trợ của các sở, ngành cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND phường đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp như: tăng cường tuyên truyền chính sách thuế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm. Qua đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành dự toán.

1.2.2. Khó khăn:

Kết thúc năm 2025, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường cơ bản hoàn thành dự toán được UBND tỉnh giao. Đặc biệt, có 6/11 khoản thu đạt hoàn thành vượt mức dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao, còn 04 khoản thu không hoàn thành dự toán đó là Thu khác ngân sách, thu phí- lệ phí, thu tiền cho thuê đất- thuê mặt

nước. Nguyên nhân: Trên địa bàn có nhiều dự án khu công nghiệp, khu dân cư đang triển khai thực hiện. Tuy nhiên năm 2025 chưa có hướng dẫn về việc ghi thu- ghi chi tiền thuê đất được trừ vào kinh phí nhà đầu tư tự nguyện ứng trước khi thực hiện dự án.

1.2.3. Về công tác quản lý thu:

+ Công tác phối hợp Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế:

Trong năm 2025, UBND phường đặc chỉ đạo phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường đã phối hợp với Thuế khu vực 2 tỉnh Thái Nguyên tập trung triển khai tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thuế, nhất là các chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh đảm bảo an sinh xã hội; phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đã phối hợp với Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường tuyên truyền những chính sách mới đến người nộp thuế.

+ Tăng cường các biện pháp nhằm thu tiền sử dụng đất:

UBND phường đã chỉ đạo Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường đã phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác thu tiền sử dụng đất. Trong năm 2025, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đã chủ trì tham mưu cho UBND phường đẩy mạnh công tác phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện BTGPMB các dự án để kịp thời ghi thu – ghi chi tiền BTGPMB đã ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp. Ngoài ra, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường đã phối hợp với các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án ngoài ngân sách để nộp tiền sử dụng đất vào NSNN.

2. Thu cân đối ngân sách phường:

Tổng thu cân đối ngân sách phường hưởng đạt: 850.329 triệu đồng bằng 163% dự toán tỉnh và dự toán HĐND phường giao. Trong đó:

II. CHI NGÂN SÁCH:

Năm 2025 là năm đầu khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/6/2025 đã xác lập đơn vị hành chính và mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, gồm cấp tỉnh và cấp xã; kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 01/7/2025.

Phường Phổ Yên được thành lập theo Nghị quyết 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trên cơ sở sát nhập 04 phường Ba Hàng, phường Hồng Tiến, phường Đắc Sơn, phường Bãi Bông.

Để quyết tâm hoàn thành các nhiệm vụ chính trị đã đề ra, căn cứ vào dự toán được UBND tỉnh giao và Nghị quyết HĐND phường giao, UBND phường Phổ Yên đã giao dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị dự toán cấp 1. Đồng thời, Ủy ban nhân

dân phường đã chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị dự toán xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị, ưu tiên chi trả các chế độ cho con người; các nhiệm vụ phát sinh thực hiện tiết kiệm, hiệu quả; nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính trong quản lý, sử dụng nguồn tăng lương, thực hiện triển khai, điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. UBND phường đã điều hành ngân sách trên cơ sở tập trung ưu tiên chi trả các khoản chi cho con người, các khoản chi cho công tác phòng chống dịch bệnh, các nhiệm vụ phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. **Tổng chi ngân sách năm 2025 đạt: 797.415 triệu đồng bằng 165,9%** so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

*** Kết quả cụ thể như sau:**

1. Chi đầu tư phát triển: Trong năm 2025, về cơ bản tập trung chi để thanh toán vốn theo Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã được HĐND phường thông qua. Trong đó tập trung chi tại các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, giáo dục quan trọng trên địa bàn, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của địa phương trong năm 2025 như:

Cụ thể:

Năm 2025 thực hiện tổng số 261.629 triệu đồng bằng 272,2% so với dự toán giao.

Trong đó:

2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên đạt 423.144 triệu đồng bằng 106,9% so với dự toán tỉnh và dự toán HĐND phường giao.

3. Chi chuyển nguồn:

Công tác chuyển nguồn ngân sách được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

*** Chuyển nguồn ngân sách: 63.087 triệu đồng, trong đó:**

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 theo quy định của Luật đầu tư công: 54.331 triệu đồng;

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 7.593 triệu đồng;

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau 30/9/2025: 1.163 triệu đồng;

III. THUYẾT MINH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025:

- Tổng kinh phí dự phòng của ngân sách phường năm 2025: 9.966 triệu đồng. - Tổng kinh phí đã sử dụng nguồn dự phòng của ngân sách phường năm 2025 là: 543,3 triệu đồng.

Nguồn dự phòng ngân sách được sử dụng chi cho khắc phục bão lũ; bổ sung cho các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn mà chưa được bố trí dự toán ngân sách đầu năm.



Số: 1142 /QĐ-UBND

Phổ Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHỔ YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số: 73/2026/NĐ- CP ngày 10/03/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 25 tháng 03 năm 2026 của HĐND phường Phổ Yên về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước phường Phổ Yên năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phổ Yên tại tờ trình số 186 /TTr-KTHT&ĐT ngày 30/03/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2026.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử phường Phổ Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND- UBND phường, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tài chính (Báo cáo);
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường (B/cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc phường;
- Như điều 3 (Thi hành);
- Lưu: VT, KTHT&ĐT

CHỦ TỊCH




Nguyễn Việt Hùng

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1142/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phổ Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

		Phần thu		Phần chi			
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS xã	Tổng số chi	Tổng số	Chi ngân sách tỉnh	Chi ngân sách xã
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	850.329		850.329	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	797.415		797.415
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	747		747	1. Chi đầu tư phát triển	261.629		261.629
2. Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	0		0	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay			
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0		0	3. Chi thường xuyên	423.144		423.144
4. Thu kết dư năm trước	4.325		4.325	4. Chi viện trợ			
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	7.087		7.087	5. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ			
6. Thu viện trợ	0		0	6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	838.169		838.169	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	32.666		32.666	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	63.087		63.087
- Bổ sung có mục tiêu	805.503		805.503	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước			
				10. Chi nộp ngân sách cấp trên	49.555		49.555
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	52.914		52.914				
- Bội chi = chi - thu ¹							
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)				B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹			

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1142 /QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phổ Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng



ST T	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách							So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	UBND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Thu NS cấp tỉnh		Thu NS cấp xã		Cấp trên giao	UBND quyết định	
A	B	1	2	3=4+5	4	5=6+7	6	7	8=3:1	9=3:2			
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	1.009.641	1.009.641	1.427.647	2.935	1.474.712	587.382	850.329	141,4%	141,4%			
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	521.513	521.513	528.510	2.935	575.575	524.828	747	101,3%	101,3%			
I	Thu nội địa	521.513	521.513	528.510	2.935	525.575	524.828	747	101,3%	101,3%			
I	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	200	200	264	264	264	264	264	132,0%	132,0%			
	- Thuế giá trị gia tăng			248		248	248						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>			-		-	-						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>16</u>		<u>16</u>	<u>16</u>						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>			-		-	-						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-		-	-						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>			-		-	-						
	- Thuế tài nguyên			-		-	-						
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>			-		-	-						
	- Thu từ khí thiên nhiên			-		-	-						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	600	600	2.555		2.555	2.555		425,8%	425,8%			
	- Thuế giá trị gia tăng			2.020		2.020	2.020						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			533		533	533						
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>			-		-	-						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1142/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Thọ Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
4	B	1	2	3=4+5	4	5	6=3:1	7=3:2
A	CHI CÁN ĐOÀI NGÂN SÁCH	480.621	480.621	797.415		797.415	165,9%	165,9%
I	Chi đầu tư phát triển	96.105	96.105	261.629		261.629	272,2%	272,2%
1	Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, chi tiết theo từng lĩnh vực			261.629		261.629		
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW							
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW							
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			28.228		28.228		
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình							
1.6	Chi Văn hóa thông tin			1.211		1.211		
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình			0,000000				
1.8	Chi Thể dục thể thao							
1.9	Chi Bảo vệ môi trường			0,000000		0,000000		
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			216.370		216.370		





1.11	Chi hoạt động của cơ sở quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể									
1.12	Chi Bảo đảm xã hội					13.351		13.351		
1.13	Chi ngành lĩnh vực khác					2.467		2.467		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đầu tư; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương									
4	Chi đầu tư phát triển khác					0.000000				
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định									
III	Chi thường xuyên									
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	384.516	384.516		423.144		423.144	110,0%	110,0%	
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	27.192	27.192		27.104		27.104	99,7%		
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.294	3.294		3.324		3.324	100,9%		
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	131.005	131.005		129.766		129.766	99,1%	99,1%	
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	6.081	6.081		5.275		5.275	86,7%		
2.6	Chi Văn hóa thông tin	2.648	2.648		2.522		2.522	95,2%		
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình	7.444	7.444		7.444		7.444	100,0%		
2.8	Chi Thể dục thể thao	353	353		203		203	57,6%		
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	11.768	11.768		10.816		10.816	91,9%		
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	50.161	50.161		24.249		24.249	48,3%		
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	92.124	92.124		156.023		156.023	169,4%		



2.12	Chi báo danh xã hội		44.166	44.166	48.051	48.051	108,8%
2.13	Chi khác		8.274	8.274	8.364	8.364	101,1%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
V	Chi tiết trợ						
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ						
VII	Chi chuyển nguồn				63.087	63.087	
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước						
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI						
1	Bổ sung cân đối						
2	Bổ sung có mục tiêu						
	<i>Tr. tài: - Bảng nguồn vốn trong nước</i>						
	<i>- Bảng nguồn vốn ngoài nước</i>						
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				49.555	49.555	
	TỔNG SỐ (A+B+C)				49.555	49.555	

Số: 204 /TB-UBND

Phổ Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước
phường Phổ Yên năm 2025**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số: 73/2026/NĐ- CP ngày 10/03/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 25 tháng 03 năm 2026 của HĐND phường Phổ Yên về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước phường Phổ Yên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 1142/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2026 của UBND phường Phổ Yên về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phường Phổ Yên năm 2025;

Ủy ban nhân dân phường công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phường Phổ Yên năm 2025 với nội dung cụ thể sau:

(Có thuyết minh và phụ biểu kèm theo)

Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường Phổ Yên.

UBND phường công bố công khai số liệu theo quy định.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy phường (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND phường;
- Các phòng chuyên môn, các đơn vị;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hùng

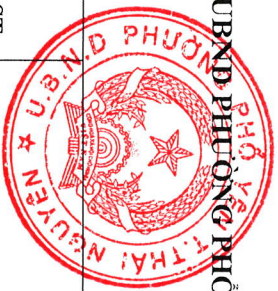


CĂN ĐOỊ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: 204 /TB-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phó Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS xã	Phản chi	Tổng số	Chi ngân sách tỉnh	Chi ngân sách xã
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	850.329			850.329	Tổng số chi			
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	747			747	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	797.415		797.415
2. Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	0			0	1. Chi đầu tư phát triển	261.629		261.629
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0			0	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay			
4. Thu kết dư năm trước	4.325			4.325	3. Chi thường xuyên	423.144		423.144
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	7.087			7.087	4. Chi viện trợ			
6. Thu viện trợ	0			0	5. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ			
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	838.169			838.169	6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	32.666			32.666	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
- Bổ sung có mục tiêu	805.503			805.503	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	63.087		63.087
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	52.914			52.914	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước			
- Bội chi = chi - thu ¹					10. Chi nộp ngân sách cấp trên	49.555		49.555
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)					B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹			



UBND PHƯỜNG PHỔ YÊN

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

Mẫu biểu số 60

(Kèm theo Thông báo số: 204 /TB-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phổ Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách						So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	UBND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Thu NS cấp tỉnh		Thu NS cấp xã	Cấp trên giao	UBND quyết định	
A	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	1.009.641	1.009.641	1.427.647	2.935	1.474.712	587.382	850.329	141,4%	141,4%		
I	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	521.513	521.513	528.510	2.935	575.575	524.828	747	101,3%	101,3%		
I	Thu nội địa	521.513	521.513	528.510	2.935	525.575	524.828	747	101,3%	101,3%		
I	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	200	200	264	264	264	264		132,0%	132,0%		
	- Thuế giá trị gia tăng			248		248	248		-	-		
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí			-		-	-		-	-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			16		16	16		-	-		
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí			-		-	-		-	-		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-		-	-		-	-		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			-		-	-		-	-		
	- Thuế tài nguyên			-		-	-		-	-		
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí			-		-	-		-	-		
	- Thu từ khí thiên nhiên			-		-	-		-	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	600	600	2.555	2.555	2.555	2.555		425,8%	425,8%		
	- Thuế giá trị gia tăng			2.020		2.020	2.020		-	-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			533		533	533		-	-		
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí			-		-	-		-	-		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-		-	-		-	-		

C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH																		
I	Thu hệ thống từ ngân sách cấp trên																		
1.	Bổ sung cân đối																		
2.	Bổ sung có mức hiệu	488.128	488.128	887.725	887.725	49.555	838.170	181,9%	181,9%										
2.1	Bổ sung có mức hiệu bằng nguồn vốn trong nước	32.666	488.128	32.666	32.666		838.170	171,7%	171,7%										
2.2	Bổ sung có mức hiệu bằng nguồn vốn ngoài nước	455.462	32.666	805.504	805.504		32.666	100,0%	100,0%										
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			49.555	49.555														
D	THU CHUYỂN NGUỒN			7.087	7.087														
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			4.325	4.325														



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số: 204/TB-UBND ngày 15/04/2026 của UBND phường Phước Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	UBND quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp xã	Cấp trên giao	UBND quyết định
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1	2	3=4+5	4	5	6=3:1	7=3:2
1	Chi đầu tư phát triển	96.105	96.105	261.629		261.629	272,2%	272,2%
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW							
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW							
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			28.228		28.228		
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình							
1.6	Chi Văn hóa thông tin			1.211		1.211		
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình							
1.8	Chi Thể dục thể thao			0,000000				
1.9	Chi Bảo vệ môi trường			0,000000		0,000000		
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			216.370		216.370		



1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1.12	Chi Báo cáo tài chính					13.351		13.351	
1.13	Chi ngành, nghề khác					2.467		2.467	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước tài trợ; các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật								
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương								
4	Chi đầu tư phát triển khác					0,000000			
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định								
III	Chi thường xuyên								
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW								
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW								
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số								
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi Văn hóa thông tin								
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình								
2.8	Chi Thể dục thể thao								
2.9	Chi Bảo vệ môi trường								
2.10	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
		92.124	92.124			156.023		156.023	169,4%



2.12	Chi Báo danh xã hội	44.166	44.166	48.051	48.051	108,8%
2.13	Chi khác	8.274	8.274	8.364	8.364	101,1%
IV	Chi bổ sung quỹ đầu tư tại công Chi viện trợ					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ					
VII	Chi chuyên nguồn			63.087	63.087	
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước					
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI					
1	Bổ sung cân đối					
2	Bổ sung có mục tiêu					
	<i>Tr. đ. - Bảng nguồn vốn trong nước</i>					
	<i>- Bảng nguồn vốn ngoài nước</i>					
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			49.555	49.555	
	TỔNG SỐ (A+B+C)			49.555	49.555	